

Name: _____

Date: .../.../ 2023

Class: S9

Tel: 034 200 9294

**GLOBAL ENGLISH 9 – UNIT 1: VIEWS AND VOICES
VOCABULARY 2**

A. VOCABULARY

***Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1.	look up to (phr.v)	ngưỡng mộ, tôn trọng	12.	placard (n)	áp phích
2.	save up for (phr.v)	tiết kiệm tiền cho cái gì	13.	rebellious (a)	nổi loạn
3.	be obsessed by (v)	bị ám ảnh bởi	14.	bad-mannered (a)	bất lịch sự
4.	role model (n)	hình mẫu	15.	gracious (a)	tử tế, hào hiệp
5.	skip schoolwork (v)	trốn làm, không làm bài tập về nhà	16.	appreciative (a)	tán dương, biết ơn
6.	succumb to bad influences (v)	đầu hàng trước những ảnh hưởng xấu, bị ảnh hưởng xấu	17.	considerate (a)	quan tâm, chu đáo
7.	take a risk (v)	chấp nhận rủi ro	18.	disrespectful (a)	thiếu tôn trọng
8.	petition (n)	đơn, kiến nghị	19.	cheeky (a)	hỗn xược
9.	rage (n)	cơn thịnh nộ	20.	defiant (a)	khiêu khích
10.	go on strike (v)	đình công	21.	civil (a)	thuộc về công dân, dân sự
11.	descend (v)	xuống, đi xuống			

***Note:** *n – noun: danh từ;* *a – adjective: tính từ;*
 v – verb: động từ; *phr.v – phrasal verb: cụm động từ*

*** Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chính phát âm theo từ điển.**

B. HOMEWORK

I. Match the words in column A with their appropriate ANTONYMS in column B.

A	B	Answer
0. disrespectful	a. well-behaved	0 - b
1. considerate	b. respectful	1 -
2. rage	c. obedient	2 -
3. rebellious	d. rise	3 -
4. bad-mannered	e. calmness	4 -
5. descend	f. greedy	5 -

4. The *protesters* (người biểu tình) carried _____ with powerful messages to express their concerns.

5. She was highly _____ of the help she received during her difficult times.

V. Make sentences with the given words. Make changes where necessary.

look up to	bad - minded	succumb to bad influences	cheeky	skip schoolwork	considerate
------------	--------------	---------------------------	--------	----------------------------	-------------

0. He got into trouble for constantly (liên tục) skipping schoolwork.

1. _____.
2. _____.
3. _____.
4. _____.
5. _____.

C. IELTS PRACTICE

Các con mở các link nghe sau bằng máy tính: [Track 45](#)



Follow the advice below and answer the questions.



- First identify the key words in the questions.
- The questions follow the order of the recording, but the options A, B and C might not.
- Listen for the key words in the questions, or words with a similar meaning.
- Be aware of distractors – think about the whole meaning of the sentences you hear. Don't choose an option just because you hear words from it on the recording.

Listen and choose the correct letter, A, B or C.

- 1 The Shopping Tour bus is outside
 - A the theatre.
 - B the train station.
 - C some cafés.
- 2 Nowadays the theatre is popular because of
 - A its modern architecture.
 - B its music performances.
 - C the famous actors that appear there.
- 3 The shopping tour will begin at ...
 - A 9.10.
 - B 9.30.
 - C 9.45.

- 4 What can people buy in Market Place today?
A souvenirs
B fruit and vegetables
C clothes
- 5 The main purpose of the visit to the Regional Food Centre is
A to have a meal.
B to buy local fruit juices.
C to taste cheeses from the region.
- 6 At the Fashion Fair, how will people on the tour know which building the footwear is in?
A It is a red building.
B It has a green roof.
C It has blue doors.

1 (02) Listen to four short conversations, and complete these sentences by choosing the correct word and/or number.

- 1 The man is moving house on Friday *3rd / 13th / 30th*.
- 2 The man has come from *Crawford / Crauford / Crowsord*.
- 3 The man's mobile number is *0780 29227 / 0872 92702 / 0870 292720*.
- 4 Sue lives at *70 Sydney / 70 Sidney / 17 Sydney Avenue*.

Các con mở các link nghe sau bằng máy tính:
[Track 2](#) [Track 3](#)

2 (03) Now listen to these short conversations, and complete the sentences with no more than TWO WORDS AND/OR A NUMBER.

- 1 The woman's name is
- 2 The woman's mobile number is
- 3 The man's address is, Fenton.
- 4 The woman arrived on April.

- 3 You are going to hear a woman calling an accommodation agency about an apartment she wants to rent. Before you listen, look at the form on the right and answer the following questions.



In which gaps do you think you will need to write:

- a a word (or words) only?
- b a number only?
- c a word (or words) and a number?

- 4 04 Now listen and complete the form. Write no more than TWO WORDS AND/OR A NUMBER for each answer.

Các con mở link nghe sau
bằng máy tính: [Track 4](#)

Good Moves Accommodation Agency

Call taken by: Ben

Name: 1

Telephone: 2

Heard about us from: 3

Type of accommodation preferred:

4

Number of people: 5

Preferred location: Wants to be close to

6

Price: maximum 7 £ per person
(including 8)

Additional notes:

I suggested Flat 3 at 9 Road in
Bampton.

I will send further details to customer by

10

MINI TEST

I. Write the missing English letters that match the given Vietnamese meanings.

No.	Vietnamese	English
1.	so sánh (v)	c _____
2.	sự lý giải bản thân (n)	s _____
3.	sự linh hoạt xã hội (n)	s _____ f _____
4.	chụp cắt não (n)	b _____ s _____
5.	khuôn mẫu, định kiến (n)	s _____
6.	hoảng sợ (a)	t _____
7.	bằng chứng (n)	e _____
8.	đánh giá rủi ro (n)	r _____ a _____
9.	sự sáng tạo (n)	c _____
10.	giao tiếp (n)	c _____

II. Choose the correct answer for each of the following questions.

- I can't imagine _____ a marathon because I run out of breath easily.
A. running B. run C. to run
- My baby sister _____ all the time.
A. cries B. crying C. is crying
- Are your parents working at the moment? – No, they _____.
A. aren't B. don't C. aren't being
- Is football your favorite sport? – Yes, but I _____ basketball too.
A. am often playing B. am playing often C. often play
- Lucy and Andy _____ with us at the moment.
A. stay B. are staying C. stayed

***Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con viết từ đó vào vở 2 dòng.